

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG
SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
Mã CK: CAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ~~355~~/KT

V/v công bố thông tin

Yên Bái, ngày 19 tháng 07 năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
2. Mã chứng khoán: CAP
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
4. Điện thoại: 02163.862.278 - Fax: 02163.862.804
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thanh Sơn
6. Điện thoại: 0944278586
7. Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ
8. Nội dung công bố thông tin:
 - 8.1. Báo cáo tài chính tổng hợp quý III niên độ 2021-2022 (kỳ kế toán từ 01/04 đến 30/06/2022):
 - Bảng cân đối kế toán;
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
 - Bản thuyết minh báo cáo tài chính;
 - 8.2. Nội dung giải trình:
 - Công văn số ~~355~~/KT ngày 19/07/2022 về việc giải trình chênh lệch 10% lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước của báo cáo tài chính tổng hợp.
9. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính tại www.yfatuf.com.vn
Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG
SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
Mã CK: CAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 354/KT

Yên Bái, ngày 19 tháng 07 năm 2022

V/v giải trình chênh lệch 10% lợi
nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm
trước tại BCTC tổng hợp

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Thực hiện theo khoản 4, điều 14, chương III, thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020. Công ty cổ phần lâm nông sản thực phẩm Yên Bái xin giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế của kỳ này so với cùng kỳ năm trước như sau:

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty quý III niên độ 2021-2022 (từ ngày 01/04 đến 30/06/2022) có kết quả như sau:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN cho kỳ kế toán này của năm 2022	:	28.551.583.597 đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN cho kỳ kế toán này của năm 2021	:	8.004.943.730 đồng
- Chênh lệch tăng	:	256%

Nguyên nhân:

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng so với cùng kỳ năm trước là 135%;

- Giá vốn hàng bán tăng so với cùng kỳ năm trước là 120%;

- Chi phí bán hàng tăng so với cùng kỳ năm trước là 197%;

Từ những nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính tổng hợp năm nay tăng so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP



Lê Long Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
YENBAI JOINT-STOCK FORES-AGRICULTURAL AND FOODSTUFFS COMPANY
Address: 279 Nguyen Phuc – Nguyen Phuc Ward – Yen Bai City – Yen Bai Province
Email: Yfatuf@gmail.com
Website: www.yfatuf.com.vn



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
QUÝ III NIÊN ĐỘ 2021-2022

Kính gửi:.....



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/6/2022)	Số đầu năm (01/10/2021)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		169.181.804.113	100.667.134.097
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	28.839.598.295	78.943.429.566
1. Tiền	111		9.839.598.295	11.843.429.566
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.000.000.000	67.100.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.241.586.874	6.157.233.822
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	16.928.389.221	5.315.931.242
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	649.279.460	370.287.604
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.669.575.743	476.672.526
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(5.657.550)	(5.657.550)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	
IV. Hàng tồn kho	140		120.729.973.944	15.167.059.038
1. Hàng tồn kho	141	V.6	120.729.973.944	15.167.059.038
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		370.645.000	399.411.671
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	370.645.000	399.411.671
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		46.318.736.518	52.018.814.880
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-

11/2022. 11/2022. 11/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/6/2022)	Số đầu năm (01/10/2021)
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		39.479.424.794	47.842.022.151
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	39.479.424.794	47.842.022.151
- Nguyên giá	222		175.566.910.162	174.704.424.168
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(136.087.485.368)	(126.862.402.017)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	0	-
- Nguyên giá	228		171.000.000	171.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(171.000.000)	(171.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.029.020.450	1.355.035.700
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	5.029.020.450	1.355.035.700
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.13	1.810.291.274	2.821.757.029
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	1.810.291.274	2.821.757.029
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/6/2022)	Số đầu năm (01/10/2021)
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		215.500.540.631	152.685.948.977
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		61.325.681.245	33.209.388.286
I. Nợ ngắn hạn	310		61.298.831.245	33.182.538.286
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11a	8.668.736.162	4.027.380.038
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	3.675.594.479	1.412.511.026
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	9.729.105.063	15.063.667.802
4. Phải trả người lao động	314		9.381.673.863	8.514.014.378
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	2.222.191.797	870.746.323
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	3.974.796.216	1.616.744.271
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		8.498.558.467	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		12.722.567.816	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	2.425.607.382	1.677.474.448
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		26.850.000	26.850.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.11b	1.850.000	1.850.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	25.000.000	25.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-

11/4/2022 15:00

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/6/2022)	Số đầu năm (01/10/2021)
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		154.174.859.386	119.476.560.691
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	154.174.859.386	119.476.560.691
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		78.539.680.000	52.360.230.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		78.539.680.000	52.360.230.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		323.060.671	323.060.671
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.187.651.245	8.042.628.692
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		66.124.467.470	58.750.641.328
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		93.452.288	1.499.513.698
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		66.031.015.182	57.251.127.630
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		215.500.540.631	152.685.948.977

Người lập biểu

Lương Quốc Quyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**
Quý III niên độ 2021-2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ III NIÊN ĐỘ 2021-2022		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm nay (01/4-30/6/2022)	Năm trước (01/4-30/6/2021)	Năm nay (01/10-30/6/2022)	Năm trước (01/10-30/6/2021)
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	172.699.117.733	73.982.754.145	436.719.801.325	341.203.262.818
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	527.292.700	0	1.440.536.750
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.1	172.699.117.733	73.455.461.445	436.719.801.325	339.762.726.068
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	125.925.489.890	57.332.864.235	321.655.425.328	270.080.431.606
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		46.773.627.843	16.122.597.210	115.064.375.997	69.682.294.462
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	815.028.865	133.378.744	2.217.462.325	808.314.934
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	697.001.773	729.512.624	1.332.166.447	1.431.478.981
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		697.001.773	702.265.493	1.171.870.023	1.344.748.722
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	9.007.097.279	3.031.629.345	18.675.952.298	8.361.958.059
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	4.363.425.451	2.502.885.452	16.690.301.097	16.865.651.624
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		33.521.132.205	9.991.948.533	80.583.418.480	43.831.520.732
11. Thu nhập khác	31	VI.7	57.964.027	0	112.864.027	27.377.759
12. Chi phí khác	32	VI.8	0	53.636.353	535.089.505	56.186.343
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		57.964.027	(53.636.353)	(422.225.478)	(28.808.584)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		33.579.096.232	9.938.312.180	80.161.193.002	43.802.712.148
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	5.027.512.635	1.933.368.450	14.130.177.820	5.904.159.392
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		28.551.583.597	8.004.943.730	66.031.015.182	37.898.552.756
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	3.635	1.529	8.407	7.238

Người lập biểu

Lương Quốc Quyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Sơn



Lập ngày 18 tháng 7 năm 2022

Giám đốc

Lê Long Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp) (*)***Quý III niên độ 2021-2022**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay (01/10-30/6/2022)	Năm trước (01/10-30/6/2021)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		80.161.193.002	43.802.712.148
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		9.682.089.694	8.569.552.916
- Các khoản dự phòng	03		12.722.567.816	4.108.556.234
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(62.891.452)	(9.259.355)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		885.295.878	(623.164.047)
- Chi phí lãi vay	06		1.171.870.023	1.344.748.722
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		104.560.124.961	57.193.146.618
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(13.084.353.052)	14.682.247.269
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(105.562.914.906)	(110.123.996.001)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2.930.127.422	(13.350.175.019)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.040.232.426	(1.012.579.817)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.171.870.023)	(1.344.748.722)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13.693.852.038)	(5.382.852.567)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.259.446.000)	(2.506.072.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(28.241.951.210)	(61.845.030.239)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.118.288.925)	(20.646.467.826)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	687.687.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay (01/10-30/6/2022)	Năm trước (01/10-30/6/2021)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		921.008.334	522.972.924
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.197.280.591)	(19.435.807.629)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		129.680.154.972	164.596.044.954
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(121.181.596.505)	(114.799.181.184)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(26.180.115.000)	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(17.681.556.533)	49.796.863.770
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(50.120.788.334)	(31.483.974.098)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		78.943.429.566	39.632.790.637
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		16.957.063	655.871
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		28.839.598.295	8.149.472.410

11/20/22 # 0:00:10

Người lập biểu

Lương Quốc Quyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Sơn



Lập, ngày 18 tháng 7 năm 2022

Giám đốc

Lê Long Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, dịch vụ
- Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:**
 - Chế biến, gia công, kinh doanh lâm sản;
 - Chế biến, gia công, kinh doanh nông sản thực phẩm;
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa tổng hợp;
 - Sản xuất, chế biến tinh dầu quế và các sản phẩm từ quế
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Cấu trúc doanh nghiệp:**
Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:
Bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy giấy Yên Bình	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Văn Chấn	Xã Thượng Bằng La, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Minh Quân	Xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy xuất khẩu Nguyễn Phúc	Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
Nhà máy sản Văn Yên	Xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy chế biến tinh dầu quế Văn Chấn	Xã Sơn Lương, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy Phú Thịnh	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Yên Hợp	Xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Kỳ kế toán năm**
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm sau.
Theo nghị quyết Đại hội Đồng Cổ Đông năm 2018 riêng năm tài chính đầu 2019 của việc chuyển đổi được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Đối với máy móc thiết bị của Dự án sản Văn Yên số 2 áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng, công suất thiết kế của dự án là 110.000 tấn sản phẩm (100 tấn sản phẩm/ngày, sản xuất 100 ngày/năm và thực hiện trong vòng 11 năm).

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Tại thời điểm lập báo cáo này phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

Các tài sản cố định còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh đến 12 tháng và trên 12 tháng.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ có tính chất kế hoạch và xảy ra thường xuyên.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 30/6/2022: NH Bidv: 23.210 VND/USD; NH Techcombank: 23.133 VND/USD; NH Vietinbank: 23.050 VND/USD; NH Vietcombank: 23.135 VND/USD

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Đối với thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất, chế biến nông sản tại các Nhà máy sản xuất, chế biến các sản phẩm từ sản tại địa bàn huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (thuộc địa bàn kinh tế- xã hội khó khăn) thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế với suất thuế TNDN 10% trong suốt thời gian hoạt động (Áp dụng kể từ 01/01/2015).

Các dự án còn lại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối kỳ (30/6)	Đầu năm (01/10)
Tiền mặt	1.288.546.219	1.704.813.349
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.551.052.076	10.138.616.217
Các khoản tương đương tiền	19.000.000.000	67.100.000.000
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 03 tháng trở xuống</i>		
Cộng	28.839.598.295	78.943.429.566

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn khác	0	0	0	0
Cộng	0	0	0	0

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Cuối kỳ (30/6)	Đầu năm (01/10)
JIN CAI SHEN TECHNOLOGY CO., LTD	7.248.186.840	3.086.746.350
Công ty TNHH JIN TAIR UANTARNG CO.,LTD	3.142.050.644	515.402.100
Các khách hàng khác	6.538.151.737	1.713.782.792
Cộng	16.928.389.221	5.315.931.242

4. Trả trước cho người bán ngắn	Cuối kỳ (30/6)	Đầu năm (01/10)
Công ty cổ phần tư vấn quy hoạch và PT công nghệ Á Châu	75.000.000	75.000.000
Công ty cổ phần may xuất khẩu Yên Bái	0	96.200.000
Công ty cổ phần GEA Việt	33.500.000	78.000.000
Công ty TNHH tư vấn đầu tư nhật minh Yên Bái	0	100.000.000
Công ty TNHH vật tư thiết bị kỹ thuật Hạ Tầng	254.016.000	0
Khách hàng khác	286.763.460	21.087.604
Cộng	649.279.460	370.287.604

5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Cuối kỳ (30/6)		Đầu năm (01/10)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	0		-	
Phải thu Ban lãnh đạo-Tiền tạm ứng	0		-	
Bảo Hiểm xã hội phải thu CNV	-		-	
Tiền điện thoại phải thu cá nhân	-		-	
Phải thu các tổ chức cá nhân khác	1.669.575.743		476.672.526	
Thuế TNCN phải thu của NLĐ	58.213.556		9.933.880	
Tạm ứng	1.581.204.040		337.305.878	
Phải thu lãi tiền gửi	8.391.781		102.867.671	
Các khoản phải thu khác	21.766.366		26.565.097	
Cộng	1.669.575.743		476.672.526	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(5.657.550)		-
Trích lập dự phòng bổ sung			-
Giảm do thu hồi được nợ	-		-
Số cuối kỳ		-	(5.657.550)

7. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ (30/6)		Đầu năm (01/10)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu;	9.682.328.577		10.504.120.663	
Chi phí sản xuất KD dở dang;	2.650.731.201		2.062.836.822	
Thành phẩm;	107.279.073.491	-	2.600.101.553	
Hàng gửi đi bán;	1.117.840.675		0	
Cộng	120.729.973.944	-	15.167.059.038	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền chi phí cắt cùi nhà máy sản VY	0	102.303.600
Công cụ dụng cụ	370.645.000	297.108.071
Cộng	370.645.000	399.411.671

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Chi phí bảo trì phần mềm, sửa xe và bảo hiểm	11.403.023	47.052.737
Chi phí sửa chữa mái nhà xưởng tại Yên Bình	52.876.750	132.191.875
- Cải tạo khu tập thể NM giấy Yên Bình	197.670.909	345.924.091
- Sửa chữa bể xử lý nước thải NM giấy Yên Bình	258.358.744	0
- Chi phí Sửa chữa nhà cửa VKT tại Phú Thịnh	278.892.472	486.870.740
- Phí khai thác nước mặt, sửa chữa đường dây điện 35 Kw tại Yên Hợp	162.554.892	252.884.056
- Phí khai thác nước mặt và sửa chữa hệ thống nước thải tại Minh Quân	47.272.692	107.695.919
- Công cụ dụng cụ tại NM sản Văn Yên	35.520.556	99.457.573
- Cải tạo nhà cửa VKT NM sản Văn Yên	166.898.300	303.451.450
- Sửa chữa đường vào dây 2 và đường nội bộ NM sản	487.647.273	853.382.727
- Sửa chữa TBA 1250 KVA-NM sản	52.104.750	104.209.500
- Lập hồ sơ cấp giấy phép xả thải Yên Bình, Yên Hợp, Văn Chấn	59.090.913	88.636.361
Cộng	1.810.291.274	2.821.757.029

10. Phải thu dài hạn khác

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Thuế của nhà thầu nước ngoài	0	0	0	0
Cộng	0	0	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	69.827.457.559	97.020.576.855	6.975.048.349	271.871.369	609.470.036	174.704.424.168
Tăng trong kỳ	-	1.151.640.539	292.663.636	-	-	1.444.304.175
- <i>Do mua sắm mới</i>		1.151.640.539	292.663.636			1.444.304.175
- <i>Do phân loại TSCĐ</i>						
- <i>Do XD/CB hoàn thành</i>	-	-	(581.818.181)	-	-	(581.818.181)
Giảm trong kỳ						
- Giảm theo TT145/2013/TT-BTC			(581.818.181)			-
- Thanh lý, nhượng bán						(581.818.181)
Số cuối kỳ	69.827.457.559	98.172.217.394	6.685.893.804	271.871.369	609.470.036	175.566.910.162
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn SD</i>	43.827.736.040	50.518.349.510	1.835.988.345	354.450.000	609.470.036	97.145.993.931
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	56.031.637.407	66.064.086.619	3.951.572.081	205.635.874	609.470.036	126.862.402.017
- <i>Tăng do trích khấu hao trong kỳ</i>	2.977.243.117	6.095.063.756	563.927.479	45.855.342	-	9.682.089.694
- <i>Tăng do điều chỉnh phân loại</i>						-
Giảm trong kỳ	-	-	(457.006.343)	-	-	(457.006.343)
- Giảm theo TT145/2013/TT-BTC			(457.006.343)			-
- Thanh lý, nhượng bán						(457.006.343)
Số cuối kỳ	59.008.880.524	72.159.150.375	4.058.493.217	251.491.216	609.470.036	136.087.485.368
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	13.795.820.152	30.956.490.236	3.023.476.268	66.235.495	-	47.842.022.151
Số cuối kỳ	10.818.577.035	26.013.067.019	2.627.400.587	20.380.153	-	39.479.424.794

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

- Là phần mềm kế toán cũ năm 2006 đã được thanh lý và thay thế phần mềm kế toán FAST 11 đưa vào sử dụng từ 01/01/2018

	Nguyên giá	Giá trị KH kỳ	Giá trị đã KH	Giá trị còn lại
Phần mềm Kế toán	171.000.000	0	171.000.000	0

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	1.355.035.700	435.535.396	-	88.333.578	1.702.237.518
- Giải phóng mặt bằng mở rộng nhà máy sản Văn Yên số 2	1.042.535.700	0			1.042.535.700
- Giải phóng mặt bằng, sửa chữa mở rộng nhà máy giấy Minh Quân	312.500.000	0	0	0	312.500.000
- Giải phóng mặt bằng, sửa chữa mở rộng nhà máy giấy Văn Chấn	0	202.480.000	0	0	202.480.000
- Nhà cưa VKT Yên Bình	0	115.721.818			115.721.818
- Nhà cưa VKT Văn Chấn	0	29.000.000			29.000.000
- Giếng khoan Yên Bình	0	88.333.578		88.333.578	0
Sửa chữa lớn TSCĐ	0	4.492.220.784	0	1.165.437.852	3.326.782.932
- SCL Nhà máy giấy Yên Bình		305.459.073		89.372.500	216.086.573
- SCL Nhà máy giấy Văn Chấn		93.397.756			93.397.756
- SCL Nhà máy giấy Minh Quân		106.224.266			106.224.266
- SCL Nhà máy giấy Yên Hợp		69.836.057			69.836.057
- Sửa chữa, cải tạo hệ thống nước thải	0	516.717.488		516.717.488	0
- Nhà máy sản Văn Yên (SCL; TX+Bảo quản kho+Ủ phân)		3.400.586.144		559.347.864	2.841.238.280
Cộng	1.355.035.700	4.927.756.180	0	1.253.771.430	5.029.020.450

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH An Hoa	264.000.000	448.800.000
Công ty cổ phần Đông á	726.185.900	440.254.430
Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC	754.706.590	400.872.120
Nguyễn Duyên Thành	128.435.860	0
Ngô Thị Phương	142.360.460	0
Đặng Thiết Hùng	179.670.840	0
Các nhà cung cấp khác	6.473.376.512	2.737.453.488
Cộng	8.668.736.162	4.027.380.038

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH Thương mại Giang Biên	0	418.552.635
Công ty TNHH một thành viên nông sản Đông Hưng	0	192.965.888
HTX tiểu thủ công nghiệp dịch vụ tổng hợp Đức Thành Phát	0	273.412.290
Công ty TNHH xuất nhập khẩu Vĩnh Thuận	1.587.600.000	0
Công Ty TNHH Nông Nghiệp Quốc Tế TPP	977.670.000	0
Công ty TNHH Thương Mại Hải Ngọc	361.150.000	0
Các khách hàng khác	749.174.479	527.580.213
Cộng	3.675.594.479	1.412.511.026

16. Thuế và các khoản phải nộp

	Số đầu năm	Số phát sinh trong kỳ		Cuối kỳ
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11.997.768.696	7.935.212.895	16.274.502.752	3.658.478.839
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0	0	0	0
Thuế nhập khẩu	0	65.713.350	65.713.350	0
Thuế TNDN	3.053.062.766	14.130.177.820	12.187.546.133	4.995.694.453
Thuế thu nhập cá nhân	0	2.321.139.568	1.258.107.777	1.063.031.791
Thuế tài nguyên	12.836.340	384.302.930	385.239.290	11.899.980
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	0	734.223.060	734.223.060	0
Các loại thuế khác	0	487.437.983	487.437.983	0
Cộng	15.063.667.802	26.058.207.606	31.392.770.345	9.729.105.063

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phí bảo vệ môi trường rừng, nước thải công nghiệp	128.637.285	198.730.582
Bảo hộ lao động	294.103.437	0
Tiền thuê đất năm 2021(YH; YB; Sản 2; VP)	0	452.892.084
Chi phí tiền điện	266.749.796	164.123.657
Chi phí duy trì hồ biogas-NM sản	485.363.874	0
Chi phí bảo quản sản phẩm NM sản	924.944.540	0
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	122.392.865	55.000.000
Cộng	2.222.191.797	870.746.323

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	131.641.308	147.275.558
Bảo hiểm xã hội	694.032.743	791.880.959
Tiền lãi vay ngân hàng BIDV	14.330.130	0
Tiền cổ tức niên độ 2020-2021	2.217.328.000	0
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	0	460.000.000
Tiền tiết kiệm vật tư	590.640.970	0
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	326.823.065	217.587.754
Cộng	3.974.796.216	1.616.744.271

19. Vay, nợ thuê TC ngắn hạn

	Đầu năm		Cuối kỳ	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn NH Bidv YBái	0	0	8.498.558.467	8.498.558.467
Vay ngắn hạn NH Vietin Bank YBái	0	0	0	0
Cộng	0	0	8.498.558.467	8.498.558.467

Chi tiết phát sinh các khoản vay trong kỳ như sau:

	Đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn NH Bidv YBái	0	101.275.274.167	92.776.715.700	8.498.558.467
Vay ngắn hạn NH Vietin Bank YBái	0	28.404.880.805	28.404.880.805	0
	0	129.680.154.972	121.181.596.505	8.498.558.467

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ định kỳ	8.522.567.816	0
Lương bổ sung niên độ 2021-2022	4.200.000.000	0
Cộng	12.722.567.816	0

21. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Đầu năm	Tăng do PP từ LN	Chi quỹ trong kỳ	Cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	0	4.007.578.934	2.056.886.000	1.950.692.934
Quỹ phúc lợi	1.677.474.448	0	1.202.560.000	474.914.448
	1.677.474.448	4.007.578.934	3.259.446.000	2.425.607.382

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

22. Phải trả người bán dài hạn

Công ty TNHH thiết bị công nghiệp HTC Vĩnh Phúc
Cộng

Cuối năm	Đầu năm
1.850.000	1.850.000
1.850.000	1.850.000

23. Phải trả dài hạn khác

Ông Hà Xuân Quảng
Công ty TNHH DV vận tải Đỗ Cường
Cộng

Cuối năm	Đầu năm
5.000.000	5.000.000
20.000.000	20.000.000
25.000.000	25.000.000

3
4
5
6
7
8
9
10
11
12

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

24 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

a, Bảng đối chiếu biến động của chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn CP	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	52.360.230.000	323.060.671	2.019.361.390	31.177.343.286	85.879.995.347
Lợi nhuận trong kỳ				57.251.127.630	57.251.127.630
Trích lập các quỹ trong kỳ			6.023.267.302	(8.432.574.223)	(2.409.306.921)
Tăng vốn ĐL từ LN CPP				-	-
Tăng vốn ĐL từ các quỹ				-	-
Chi cổ tức				(20.944.092.000)	(20.944.092.000)
Thưởng Ban lãnh đạo				(301.163.365)	(301.163.365)
					-
Số dư cuối năm trước	52.360.230.000	323.060.671	8.042.628.692	58.750.641.328	119.476.560.691
Số dư đầu năm nay	52.360.230.000	323.060.671	8.042.628.692	58.750.641.328	119.476.560.691
Lợi nhuận trong kỳ				66.031.015.182	66.031.015.182
Trích lập các quỹ trong kỳ			1.145.022.553	(5.152.601.487)	(4.007.578.934)
Tăng vốn ĐL từ LN CPP	26.179.450.000			(26.179.450.000)	-
Chi cổ tức bằng tiền (50%)				(26.180.115.000)	(26.180.115.000)
Thưởng Ban lãnh đạo				(1.145.022.553)	(1.145.022.553)
Số dư cuối năm nay	78.539.680.000	323.060.671	9.187.651.245	66.124.467.470	154.174.859.386

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	78.539.680.000	52.360.230.000
Thặng dư vốn cổ phần	323.060.671	323.060.671
Cộng	78.862.740.671	52.683.290.671
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	78.539.680.000	52.360.230.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	0
d) Cổ phiếu	Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	7.853.968	5.236.023
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.853.968	5.236.023
+ Cổ phiếu phổ thông	7.853.968	5.236.023
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.853.968	5.236.023
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000	10.000
đ) Cổ tức		
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	8.407	10.059
e) Các quỹ của doanh nghiệp:		
- Quỹ đầu tư phát triển;	9.187.651.245	8.042.628.692
25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	Cuối năm	Đầu năm
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	2.481.611.260	3.345.791.735
Nợ khó đòi đã xử lý		
Ngoại tệ các loại: USD	226.514,63	398.621,77

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	436.719.801.325	341.203.262.818
Trong đó: Doanh thu nội địa	208.226.622.851	257.157.753.227
DT xuất khẩu trực tiếp	228.493.178.474	84.045.509.591
- DT Sản phẩm Giấy vàng mã	80.432.229.326	51.078.063.030
Tương đương Tiền USD	3.465.412,72	2.229.023,04
- DT Sản phẩm Giấy đề XK	25.573.910.424	20.708.846.561
Tương đương Tiền USD	1.101.848,79	903.724,48
- DT Sản phẩm Tinh bột sắn	122.487.038.724	12.258.600.000
Quy ra USD	5.277.339,02	534.959,63
Tổng cộng USD:	9.844.600,54	3.667.707,16
Các khoản giảm trừ doanh thu	0	1.440.536.750
Doanh thu thuần	436.719.801.325	339.762.726.068

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm nay	Năm trước
	0	1.440.536.750

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
3. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của thành phẩm đã bán;	321.655.425.328	270.080.431.606
	321.655.425.328	270.080.431.606
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	700.412.955	463.406.756
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.296.453.991	253.835.471
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc	0	9.259.355
- Chiết khấu thanh toán	220.595.379	81.813.352
Cộng	2.217.462.325	808.314.934
5. Chi phí tài chính		
- Chi phí lãi vay	1.171.870.023	1.344.748.722
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	160.296.424	86.730.259
	1.332.166.447	1.431.478.981
6. Thu nhập khác		
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	112.864.027	27.377.759
Cộng	112.864.027	27.377.759
7. Chi phí khác		
- Các khoản bị phạt; chậm nộp	472.684.011	2.443.643
- Chi phí thanh lý TSCĐ	62.405.494	53.636.353
- Chi phí khác	0	106.347
Cộng	535.089.505	56.186.343
8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh		
Chi phí nhân viên quản lý	10.724.162.763	7.999.082.093
Chi phí vật liệu quản lý	264.940.185	152.850.783
Chi phí đồ dùng văn phòng	479.474.648	507.501.914
Chi phí khấu hao TSCĐ	872.703.535	324.876.846
Thuế, phí và lệ phí	1.180.038.488	1.919.462.750
Chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc	11.894.000	169.401.174
Chi phí dịch vụ mua ngoài	715.700.258	969.881.773
Chi phí bằng tiền khác	2.441.387.220	4.822.594.291
Cộng	16.690.301.097	16.865.651.624
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Các khoản chi phí bán hàng khác.	18.675.952.298	8.361.958.059
Cộng	18.675.952.298	8.361.958.059



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	12.623.871.915	5.904.159.392
- Truy thu thuế TNDN theo kết luận của thanh tra thuế	1.506.305.905	0
Cộng	14.130.177.820	5.904.159.392

Người lập biểu



Lương Quốc Quyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Sơn

Lập, ngày 18 tháng 7 năm 2022

Giám đốc



Long Giang

11
YÊN B
HỤC
YÊN
YÊN E

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: VND

	Tại Văn phòng Công ty (hoạt động khác)						Loại trừ nội bộ	Cộng
	Tại Văn phòng Công ty (hoạt động khác)	Giấy để	Giấy vàng mã	Tinh bột sắn	Tinh dầu quế	Giấy lẻ + Ván bóc+trác ván		
Năm nay								
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	116.889.494.794		80.432.229.326	237.296.216.957	-	2.101.860.248	-	436.719.801.325
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	14.407.370.449	44.575.410.160	18.248.094.684	89.584.974.503	-	(166.815.849.796)	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.407.370.449	161.464.904.954	98.680.324.010	326.881.191.460	-	2.101.860.248	(166.815.849.796)	436.719.801.325
Chi phí bộ phận	-	75.547.851.659	77.546.398.736	201.825.568.081	-	-	-	354.919.818.475
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	-	41.341.643.135	2.885.830.590	35.470.648.876	-	-	-	79.698.122.602
Các khoản giảm trừ Doanh thu	-	-	-	-	-	-	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-	2.217.462.325
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	-	(1.332.166.447)
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	-	112.864.027
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	-	-	(535.089.505)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	(14.130.177.820)
								66.031.015.182

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Tại Văn phòng Công ty					Cộng
	(hoạt động khác)	Giá trị để	Giấy vàng mã	Tình bột sản	Tình đầu quá	
Số cuối năm						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	92.718.276.134	11.457.792.408	3.039.315.293	108.254.426.359	30.730.437	215.500.540.631
Tài sản phân bổ cho bộ phận	(40.119.734.685)	7.303.016.424	1.179.851.955	31.442.397.231	194.469.075	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	52.598.541.449	18.760.808.832	4.219.167.248	139.696.823.590	225.199.512	215.500.540.631
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	(62.095.125.365)	7.679.989.095	2.039.701.458	113.670.385.620	30.730.437	61.325.681.245
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	(62.095.125.365)	7.679.989.095	2.039.701.458	113.670.385.620	30.730.437	61.325.681.245
Số đầu năm						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	136.126.462.804	10.252.606.785	2.594.296.691	3.681.852.260	30.730.437	152.685.948.977
Tài sản phân bổ cho bộ phận	(47.595.180.464)	8.112.472.883	1.382.774.738	37.478.943.036	620.989.807	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	88.531.282.340	18.365.079.668	3.977.071.429	41.160.795.296	651.720.244	152.685.948.977
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	16.649.902.113	10.252.606.785	2.594.296.691	3.681.852.260	30.730.437	33.209.388.286
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	16.649.902.113	10.252.606.785	2.594.296.691	3.681.852.260	30.730.437	33.209.388.286

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước (nội địa) và khu vực nước ngoài (xuất khẩu)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khu vực nội địa	208.226.622.851	257.157.753.227
Khu vực xuất khẩu	228.493.178.474	84.045.509.591
Cộng	<u>436.719.801.325</u>	<u>341.203.262.818</u>

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	(5.118.288.925)	(20.646.467.826)
Cộng	<u>(5.118.288.925)</u>	<u>(20.646.467.826)</u>

Người lập biểu

Lương Quốc Quyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Sơn

